

Bản án số: 75/2017/DS-ST

Ngày: 17/7/2017

V/v tranh chấp: “Hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ MỸ THO**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Võ Ngọc Hiếu**
- Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Văn Tám**
Bà **Đoàn Huỳnh Cúc**
- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Trạng**
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Mỹ Tho: Bà **Phan Thị Thanh**

Xuân-Kiểm sát viên

Ngày 17 tháng 7 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 145/2017/TLST-DS ngày 03/5/2017 về tranh chấp: “Hợp đồng vay tài sản”.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 121/2017/QĐST-DS ngày 29 tháng 6 năm 2017 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Lê Thị T, sinh năm 1984

Địa chỉ: 568, ấp P, xã P, TP.M, Tiền Giang

Người đại diện theo ủy quyền: Nguyễn Thị Mỹ H, sinh năm 1979 (có mặt)

Địa chỉ: 19/8A, đường L, phường 6, TP.M, Tiền Giang

* Bị đơn: Nguyễn Văn T, sinh năm 1970 (có mặt)

Nguyễn Thị Kim C, sinh năm 1968 (có mặt)

Cùng địa chỉ: 65/4, đường A, phường 4, TP.M, Tiền Giang

Hiện cùng ngụ tại: ấp L, xã P, TP.M, Tiền Giang

* Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Lê Thị T, sinh năm 1974 (xin vắng mặt)

Địa chỉ: 568A, ấp P, xã P, TP.M, Tiền Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Nguyên đơn chị Lê Thị T trình bày: chị có cho anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị Kim C vay tiền nhiều lần cụ thể:

- ngày 05/11/2015 vay 100.000.000 đồng, không có biên nhận

- ngày 09/11/2015 vay 100.000.000 đồng, có biên nhận do anh T viết

- ngày 02/12/2015 vay 100.000.000 đồng, có biên nhận do chị C viết

Tổng số tiền anh T, chị C vay là 300.000.000 đồng, thỏa thuận trả góp mỗi ngày 3.500.000 đồng.

Trong quá trình vay anh T, chị C không góp cho chị được lần nào.

Trong quá trình giải quyết vụ án chị T thay đổi lời khai cụ thể: lần vay ngày 09/11/2015 anh T chị C có góp được 17 ngày, tổng cộng là 59.500.000 đồng, còn nợ lại 40.500.000 đồng và lần vay ngày 02/12/2015 có góp được 06 ngày được số tiền

21.000.000 đồng, còn nợ lại 79.000.000 đồng. Tổng cộng hai lần vay anh T, chị C nợ 119.500.000 đồng. Sau đó anh T, chị C có trả được 33.300.000 đồng, còn nợ lại 86.200.000 đồng. Nay chị yêu cầu anh T, chị C liên đới trả 86.000.000 đồng (bớt 200.000 đồng), theo cách thức trả dần mỗi tháng 5.000.000 đồng.

* Bị đơn anh Nguyễn Văn T trình bày: vào ngày 09/11/2015 anh có vay của chị T 100.000.000 đồng, có góp được từ ngày 10/11/2015 đến ngày 10/12/2015 được số tiền 100.000.000 đồng, sau đó anh có đưa tiếp 6.000.000 đồng tiền lãi. Tổng cộng anh trả được 106.000.000 đồng.

Ngày 02/12/2015 vợ anh là chị C có vay của chị T 100.000.000 đồng. Anh có góp được tổng cộng 106.000.000 đồng.

Sau đó anh và chị C có vay của chị T nhiều lần nữa, ngày vay cuối cùng là ngày 20/4/2016 à, sau đó hai bên có chốt nợ vào năm 2016, khi đó anh còn nợ chị T tổng cộng 85.000.000 đồng, anh có trả được 33.300.000 đồng hiện chỉ còn nợ 51.700.000. Nay anh không đồng ý theo yêu cầu của nguyên đơn.

Bị đơn chị Nguyễn Thị Kim C thống nhất như phần trình bày của anh T.

* Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị T trình bày: biên nhận ngày 09/11/2015 anh T ghi có mượn chị Bảy (là tôi) và chị Mười (chị T) 100.000.000 đồng nhưng số tiền này là của chị T không có tiền của chị, chị chỉ chứng kiến.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Mỹ Tho phát biểu: Từ khi thụ lý vụ kiện và tại phiên tòa sơ thẩm Thẩm phán, Hội đồng xét xử đều đã thực hiện đúng qui định pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đúng qui định Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Nguyên đơn tự nguyện rút một phần yêu cầu khởi kiện nên đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện. Về nội dung bị đơn cho rằng đã góp đủ 02 khoản vay ngày 09/11/2015 và ngày 02/12/2015 nhưng không có chứng cứ gì chứng minh. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn cho bị đơn trả dần mỗi tháng 5.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: tại đơn khởi kiện nguyên đơn chị T yêu cầu anh T, chị Chi trả 300.000.000 đồng. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay phía chị T rút một phần yêu cầu khởi kiện, cụ thể không yêu cầu anh T, chị C trả 100.000.000 đồng của lần vay ngày 05/11/2015. Xét thấy việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là tự nguyện và phù hợp với qui định tại khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự nên đình chỉ xét xử đối với yêu cầu này.

[2] Ngoài ra phía nguyên đơn có thay đổi yêu cầu khởi kiện là chỉ yêu cầu anh T, chị C trả 86.000.000 đồng. Xét thấy, việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là tự nguyện, phù hợp với qui định tại khoản 1 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Bà Lê Thị T là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có đơn xin xét xử vắng mặt, đơn phù hợp với qui định của pháp luật nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xử vắng mặt bà T.

[4] Về nội dung: chị T yêu cầu anh T, chị C trả 86.000.000 đồng. Anh T, chị C không đồng ý theo yêu cầu của chị T.

Xét thấy, tại giấy nhận nợ ngày 09/11/2015 thể hiện anh T có mượn của chị T 100.000.000 đồng thỏa thuận mỗi ngày góp 3.500.000 đồng. Chị T thừa nhận có nhận tiền góp của anh T, chị C được 17 ngày với tổng số tiền 59.500.000 đồng. Phía anh T, chị C khai đã góp 106.000.000 đồng nhưng chị T không thừa nhận và anh T, chị C không có chứng cứ gì chứng minh nên không có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận.

Tại giấy nhận nợ ngày 02/12/2015 thể hiện chị C có mượn của chị T 100.000.000 đồng. Chị T thừa nhận có nhận tiền góp của anh T, chị C được 06 ngày với tổng số tiền 21.000.000 đồng. Phía anh T, chị C khai đã góp được 106.000.000 đồng nhưng chị T không thừa nhận và anh T, chị C không có chứng cứ gì chứng minh nên không có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận.

Ngoài ra chị T thừa nhận chị có nhận của chị C, anh T tổng cộng 33.300.000 đồng. Chị T đồng ý trừ 33.300.000 đồng vào số tiền nợ 119.500.000 đồng.

Anh T, chị C cho rằng vào ngày 05/6/2016 hai bên có tổng kết lại nợ, khi đó anh chị còn nợ chị T 85.000.000 đồng (của khoản vay khác). Sau đó anh có trả được 33.300.000 đồng, chỉ còn nợ 51.700.000 đồng. Nhưng phía chị T không thừa nhận có tổng kết nợ và anh T, chị C không có gì chứng minh nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Nay chị T yêu cầu anh T, chị C trả 86.000.000 đồng là có căn cứ được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về phương thức trả nợ: anh T, chị C xin trả dần mỗi tháng 500.000 đồng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật đến khi hết nợ. Chị T không đồng ý, chị T yêu cầu anh T, chị C trả 5.000.000 đồng/tháng. Xét yêu cầu này của anh T, chị C không được chị T đồng ý và cũng không phù hợp với qui định của pháp luật nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí: anh T, chị C phải chịu án phí theo qui định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 474; khoản 2 Điều 305 Bộ luật dân sự năm 2005.

Căn cứ khoản 1, khoản 2 Điều 244, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của chị T về việc yêu cầu anh T, chị C trả 100.000.000 đồng, của ngày vay 05/11/2015.

Buộc anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị Kim C liên đới trả cho chị Lê Thị T 86.000.000 đồng (Tám mươi sáu triệu đồng).

Theo phương thức trả 5.000.000 đồng/tháng, kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật đến khi hết số nợ trên.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án nếu anh T, chị C chậm thực hiện nghĩa vụ thi hành tháng còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước quy định tương ứng đối với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Về án phí: anh T, chị C liên đới chịu 4.300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn lại cho chị T 3.750.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu số 31834 ngày 28/4/2017 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Mỹ Tho.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt bản án hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*** Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang;
- VKSND TP.Mỹ Tho;
- CC.THADS TP.Mỹ Tho;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

Võ Ngọc Hiếu